



Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

2600948135

ngày 12 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 26 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuyên	Thành viên
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên
Ông Simon Wagner	Thành viên
Ông Christopher E. Freund	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
	(từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên độc lập
Ông Kelly Wong	Thành viên độc lập
	(đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Quốc Trung	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên
Ông Simon Wagner	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 1980, Đường Hùng Vương, Phường Nông Trang
Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư F88 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Phùng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 22 tháng 3 năm 2024

11204
ÔNG
NHIỆM
KPM
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư F88**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 44.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả:

- Việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang áp dụng biện pháp tạm giam đối với 3 nhân viên của Công ty Cổ phần Kinh doanh F88, một công ty con của Công ty, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định đưa vụ việc ra xét xử tại tòa án.
- Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Kinh doanh F88, một công ty con của Công ty, đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại và yêu cầu hủy bỏ phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính liên quan tới hành vi không lưu giữ tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản đối với một số địa điểm kinh doanh.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên.





Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó với đoạn vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 9 năm 2023 về việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang áp dụng biện pháp tạm giam đối với 3 nhân viên của Công ty Cổ phần Kinh doanh F88, một công ty con của Công ty, về tội "Cưỡng đoạt tài sản", và Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại và yêu cầu hủy bỏ phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính liên quan tới hành vi không lưu giữ tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản đối với một số địa điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh F88.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-000436-24-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2024-007-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.285.468.378.301	4.049.413.824.412
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	217.359.446.646	427.359.459.233
Tiền	111		217.359.446.646	427.359.459.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.100.000.000	47.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	30.100.000.000	47.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.002.839.357.217	3.477.805.323.108
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	121.361.211.616	140.304.744.393
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.408.663.902	23.525.880.234
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	2.730.951.250.936	3.152.733.909.886
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	167.161.326.632	209.605.069.738
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(47.043.095.869)	(48.364.281.143)
Hàng tồn kho	140		1.572.711.242	2.067.522.203
Hàng tồn kho	141		1.572.711.242	2.067.522.203
Tài sản ngắn hạn khác	150		33.596.863.196	94.581.519.868
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	32.680.610.328	93.291.164.537
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		271.411.172	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		644.841.696	1.290.355.331
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		666.932.751.286	345.633.659.618
Các khoản phải thu dài hạn	210		223.844.480.743	100.782.207.546
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	153.028.635.851	54.669.498.312
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	72.270.174.396	46.112.709.234
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	217	10	(1.454.329.504)	-
Tài sản cố định	220		47.313.614.381	23.908.161.603
Tài sản cố định hữu hình	221	11	854.964.718	1.200.861.754
Nguyên giá	222		2.904.502.099	2.724.257.471
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.049.537.381)	(1.523.395.717)
Tài sản cố định vô hình	227	12	46.458.649.663	22.707.299.849
Nguyên giá	228		59.110.829.679	28.581.314.417
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.652.180.016)	(5.874.014.568)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.385.348.069	26.147.886.262
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.385.348.069	26.147.886.262
Tài sản dài hạn khác	260		393.389.308.093	194.795.404.207
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	91.160.425.269	129.710.436.793
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32(c)	302.228.882.824	65.084.967.414
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.952.401.129.587	4.395.047.484.030

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.575.879.553.774	3.580.890.390.494
Nợ ngắn hạn	310		1.269.189.266.200	2.871.438.260.849
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.521.873.945	11.270.509.431
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	21.712.222.942	83.491.132.311
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	175.610.595.625	88.112.770.079
Phải trả người lao động	314		46.008.854.745	161.319.102.306
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	25.076.507.961	40.738.466.750
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	16.001.099.500	44.335.926.951
Vay ngắn hạn	320	20(a)	981.258.111.482	2.442.170.353.021
Nợ dài hạn	330		1.306.690.287.574	709.452.129.645
Vay dài hạn	338	20(b)	1.306.690.287.574	709.452.129.645
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.376.521.575.813	814.157.093.536
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.376.521.575.813	814.157.093.536
Vốn cổ phần	411	22	82.646.120.000	69.884.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.646.120.000	69.884.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.640.652.992.732	545.506.609.876
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(346.913.800.433)	198.686.546.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		198.432.992.134	34.638.474.986
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(545.346.792.567)	164.048.071.076
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		136.263.514	79.317.598
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.952.401.129.587	4.395.047.484.030

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Huyền
Kế toán



Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phùng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	2.333.207.227.712	2.089.011.239.849
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	25	2.322.658.360.548	1.087.953.757.188
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		10.548.867.164	1.001.057.482.661
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	33.393.849.208	4.842.118.713
Chi phí tài chính	22	27	398.867.022.162	344.786.594.126
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		336.647.964.802	279.033.495.663
Chi phí bán hàng	25	28	138.176.000.091	183.763.103.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	496.595.681.755	464.468.164.166
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(989.695.987.636)	12.881.739.553
Thu nhập khác	31	30	349.441.463.617	219.145.366.210
Chi phí khác	32	30	32.054.248.231	6.359.346.849
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	30	317.387.215.386	212.786.019.361
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(672.308.772.250)	225.667.758.914
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	110.236.654.434	81.566.090.708
Lợi ích TNDN hoãn lại	52	32	(237.143.915.410)	(22.222.664.708)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		(545.401.511.274)	166.324.332.914

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(545.401.511.274)	166.324.332.914
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(545.346.792.567)	166.308.071.076
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(54.718.707)	16.261.838

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Huyền
Kế toán



Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phùng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(672.308.772.250)	225.667.758.914
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.304.307.112	3.740.644.037
Các khoản dự phòng	03		1.549.663.259.497	276.575.768.104
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(28.248.449.208)	(4.842.118.713)
Chi phí lãi vay, phát hành trái phiếu và tư vấn khoản vay	06		361.335.683.383	321.733.523.640
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.217.746.028.534	822.875.575.982
Biến động các khoản phải thu	09		(1.197.587.036.012)	(2.102.709.128.610)
Biến động hàng tồn kho	10		494.810.961	398.114.757
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(210.185.236.701)	180.448.728.324
Biến động chi phí trả trước	12		96.922.894.777	(98.061.778.523)
			(92.608.538.441)	(1.197.048.488.070)
Tiền lãi vay đã trả	14		(351.131.912.517)	(282.052.842.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.659.068.946)	(59.689.579.573)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(248.000.000)	(2.260.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(475.647.519.904)	(1.541.050.910.540)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.914.076.243)	(35.993.502.658)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(47.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		17.500.000.000	15.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		27.445.788.112	2.251.143.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38.031.711.869	(66.242.358.798)

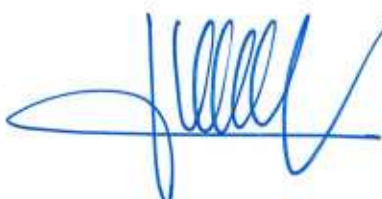
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.108.018.502.856	182.857.930.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		1.831.218.076.079	2.854.392.635.795
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(2.711.620.783.487)	(1.275.351.005.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		227.615.795.448	1.761.899.560.496
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(210.000.012.587)	154.606.291.158
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		427.359.459.233	272.753.168.075
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	217.359.446.646	427.359.459.233

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Huyền
Kế toánNguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phùng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là kinh doanh dịch vụ cầm đồ, quản lý tài sản đảm bảo, đại lý bảo hiểm, cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính và các hoạt động kinh doanh khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 3 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	% sở hữu và % quyền biểu quyết	
			31/12/2023	1/1/2023
Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 (“Công ty F88 Kinh doanh”)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, quản lý tài sản đảm bảo, đại lý bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác.	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Ffintech (“Công ty Ffintech”)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Thương mại F88 (“Công ty Thương mại F88”) (*)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh, buôn bán sim thẻ điện thoại	99,99%	99,99%

(*) Công ty sở hữu gián tiếp thông qua công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 4.121 nhân viên (1/1/2023: 5.111 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Chi phí dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến số dư các khoản phải thu về cho vay được hạch toán vào giá vốn dịch vụ cầm đồ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ mua

Giá mua nợ là số tiền Nhóm Công ty phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ bao gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua nợ.

Việc phân loại nợ cho các khoản phải thu về cho vay cũng như các tỷ lệ dự phòng được thực hiện theo Quyết định số 0412-1/2019/QĐ-F88/TGĐ của Tổng Giám đốc Công ty F88 Kinh doanh ngày 17 tháng 12 năm 2019 (“Quyết định 0412-1”) và nợ đã mua cũng như các tỷ lệ dự phòng cho các khoản phải thu được thực hiện theo Quyết định số 6906/2022/QĐ-F88/TGĐ của Tổng Giám đốc Công ty F88 Kinh doanh ngày 30 tháng 6 năm 2022 (“Quyết định 6906”). Theo đó, các khoản phải thu về cho vay được Công ty F88 Kinh doanh phân loại thành các nhóm có mức độ rủi ro khác nhau, dựa trên thời gian quá hạn. Công ty F88 Kinh doanh trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản dựa trên ước tính của công ty con này về khả năng thu hồi tương ứng với mức rủi ro gắn với từng nhóm nợ này. Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Đến 10 ngày	0%
Từ 11 ngày đến 30 ngày	2%
Từ 31 ngày đến 90 ngày	25%
Từ 91 ngày trở lên	100%

Xu lý rủi ro, xóa nợ

Theo Quyết định 0412-1 và Quyết định 6906, các khoản nợ bị quá hạn thanh toán từ 91 ngày trở lên hoặc các khoản nợ được xác định không có khả năng thu hồi sẽ bị xóa bỏ khỏi hạch toán nội bảng và chuyển sang theo dõi ngoại bảng. Số tiền thu hồi từ các khoản phải thu về cho vay đã đưa vào ngoại bảng được hạch toán vào thu nhập khác trên báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản cố định khác | 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 8 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1 năm đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu dịch vụ cầm đồ

Doanh thu lãi từ dịch vụ cầm đồ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại nợ quá hạn được ghi nhận khi trên cơ sở thực thu.

Doanh thu khác từ dịch vụ cầm đồ bao gồm phí thẩm định điều kiện cho vay, phí lưu giữ và phí quản lý tài sản cầm cố. Những khoản này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ các khoản phí liên quan đến các khoản nợ được phân loại nợ quá hạn được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

Khi một khoản nợ được phân loại nợ quá hạn thì số lãi và phí phải thu của khoản nợ đó được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi và phí của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Đối với dịch vụ đại lý bảo hiểm, doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được xác định là thành công, cụ thể là khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa khách hàng và người mua bảo hiểm và đã thu được phí bảo hiểm từ người mua bảo hiểm.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) **Thuê tài sản**

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(t) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

(v) **Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	9.706.288.470	9.139.741.417
Tiền gửi ngân hàng	207.653.158.176	418.219.717.816
	<u>217.359.446.646</u>	<u>427.359.459.233</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.100.000.000	47.600.000.000

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 8,5%/năm (1/1/2023: 4,7%/năm đến 8,5%/năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi và phí dự thu từ hoạt động cho vay cầm cố và các hoạt động liên quan khác	108.941.016.972	129.975.366.769
Phải thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm	12.043.335.530	9.838.690.783
Phải thu từ các dịch vụ khác	376.859.114	490.686.841
	121.361.211.616	140.304.744.393

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Tổ chức sự kiện Việt	2.000.000.000	5.107.898.800
Các khoản trả trước khác	28.408.663.902	18.417.981.434
	30.408.663.902	23.525.880.234

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngắn hạn		
Gốc vay phải thu các khoản cho khách hàng vay	2.730.951.250.936	3.152.733.909.886
• Các khoản cho vay có tài sản cầm cố lưu giữ tại kho của công ty con (i)	581.611.679	30.656.371.224
• Các khoản cho vay – công ty con cho khách hàng sử dụng tài sản cầm cố (ii)	2.730.369.639.257	3.122.077.538.662
<i>Trong đó: Cho vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>651.083.500.183</i>	<i>5.294.467.906</i>
	2.730.951.250.936	3.152.733.909.886
Dài hạn		
Gốc vay phải thu các khoản cho khách hàng vay		
• Các khoản cho vay – công ty con cho khách hàng sử dụng tài sản cầm cố (ii)	153.028.635.851	54.669.498.312
	2.883.979.886.787	3.207.403.408.198
Tổng phải thu về cho vay		
Dự phòng phải thu gốc các khoản cho vay khó đòi	(48.497.425.373)	(48.364.281.143)

- (i) Đây là dư nợ gốc các khoản cho vay cầm cố ô tô và xe máy có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng, mức lãi suất cho vay là 1,1%/tháng cùng với các mức phí dịch vụ khác là 4,5%/tháng;
- (ii) Đây là dư nợ gốc các khoản cho vay cầm cố ô tô và xe máy có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng với lãi suất cho vay là 1,1%/tháng cùng với các mức phí dịch vụ khác từ 3,4%/tháng đến 6,4%/tháng, tài sản cầm cố được sử dụng bởi khách hàng dưới sự đồng ý của Công ty F88 Kinh doanh và sẽ bị thu hồi bất kỳ lúc nào trong thời gian cầm cố theo yêu cầu của Công ty F88 Kinh doanh.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu theo thỏa thuận ký quỹ (*)	137.700.000.000	171.600.000.000
Các khoản phải thu từ chi hộ	21.964.335.443	19.377.838.252
Tạm ứng cho nhân viên	2.285.845.709	8.134.635.778
Tạm ứng theo hợp đồng ký gửi hàng hóa (**)	205.000.000	6.250.460.000
Lãi tiền gửi	3.424.926.303	2.622.265.207
Phải thu ngắn hạn khác	1.581.219.177	1.619.870.501
	167.161.326.632	209.605.069.738

(*) Đây là các khoản ký quỹ có kỳ hạn còn lại đến 12 tháng hưởng lãi suất năm từ 4,6% đến 6,2% theo Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược giữa Công ty F88 Kinh doanh và Ngân hàng TNHH Một thành viên CIMB Việt Nam được ký ngày 15 tháng 3 năm 2022 nhằm mục đích đảm bảo thực hiện các cam kết của Công ty F88 Kinh doanh theo Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược này.

(**) Đây là các khoản tạm ứng liên quan đến hợp đồng ký gửi hàng hóa giữa Công ty F88 Kinh doanh và các khách hàng.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc thuê văn phòng, cửa hàng	71.740.802.079	44.496.395.039
Phải thu dài hạn khác	529.372.317	1.616.314.195
	72.270.174.396	46.112.709.234

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

Nợ quá hạn

Quá hạn từ 11 tới 30 ngày
Quá hạn từ 31 tới 90 ngày

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	97.312.607.100	1.946.254.593	95.366.352.507	83.515.782.722
	185.966.297.981	46.551.170.780	139.415.127.201	186.295.141.475
				46.693.954.949
				1.670.326.194
				81.845.456.528
				139.601.186.526
	283.278.905.081	48.497.425.373	234.781.479.708	269.810.924.197
				48.364.281.143
				221.446.643.054

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn

	47.043.095.869	48.364.281.143
	1.454.329.504	-

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Số dư đầu năm	48.364.281.143	21.204.354.544
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 25)	1.549.663.259.497	276.575.768.104
Xóa sổ (Thuyết minh 25)	(1.549.530.115.267)	(249.415.841.505)
Số dư cuối năm	48.497.425.373	48.364.281.143

11. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.282.496.092	441.761.379	2.724.257.471
Tăng trong năm	180.244.628	-	180.244.628
Số dư cuối năm	2.462.740.720	441.761.379	2.904.502.099
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.139.386.306	384.009.411	1.523.395.717
Khấu hao trong năm	477.108.587	49.033.077	526.141.664
Số dư cuối năm	1.616.494.893	433.042.488	2.049.537.381
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.143.109.786	57.751.968	1.200.861.754
Số dư cuối năm	846.245.827	8.718.891	854.964.718

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.211.798.015 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 566.466.624 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	28.581.314.417
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.529.515.262
Số dư cuối năm	59.110.829.679
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.874.014.568
Khấu hao trong năm	6.778.165.448
Số dư cuối năm	12.652.180.016
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	22.707.299.849
Số dư cuối năm	46.458.649.663

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	26.147.886.262	15.589.269.966
Tăng trong năm	6.766.977.069	34.867.522.885
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.529.515.262)	(24.308.906.589)
	2.385.348.069	26.147.886.262

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thuê mặt bằng	28.656.756.320	79.060.345.839
Chi phí thuê bảng quảng cáo	1.148.114.785	9.213.113.123
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	422.120.500	2.122.509.686
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.453.618.723	2.895.195.889
	32.680.610.328	93.291.164.537

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thi công và cải tạo cửa hàng	45.633.431.007	81.197.580.098
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.233.150.777	40.136.910.343
Chi phí tư vấn phát hành khoản vay	-	3.752.426.332
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.293.843.485	4.623.520.020
	91.160.425.269	129.710.436.793

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Điện tử Bưu chính Viettel	-	218.705.900
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng nội thất Nam Việt	359.454.403	-
Các nhà cung cấp khác	3.162.419.542	11.051.803.531
	<u>3.521.873.945</u>	<u>11.270.509.431</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir	-	58.707.352.465
Các khoản khách hàng thanh toán trước lãi, phí hợp đồng cầm cố	21.712.222.942	24.783.779.846
	<u>21.712.222.942</u>	<u>83.491.132.311</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	48.063.539.730	207.108.527.939	(212.164.379.128)	43.007.688.541
Thuế thu nhập cá nhân	8.096.783.656	55.561.308.760	(41.205.037.022)	22.453.055.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	30.934.559.641	109.223.209.777	(31.659.068.946)	108.498.700.472
Các loại thuế khác	1.017.887.052	14.509.243.487	(13.875.979.321)	1.651.151.218
	<u>88.112.770.079</u>	<u>386.402.289.963</u>	<u>(298.904.464.417)</u>	<u>175.610.595.625</u>

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày trên cơ sở thuần sau khi đối trừ với số phải thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ Nhà nước.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	9.615.510.711	19.827.714.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.256.383.359	19.595.429.157
Các khoản chi phí khác	5.204.613.891	1.315.322.933
	25.076.507.961	40.738.466.750

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phí thu hộ phải trả	11.962.622.711	38.752.702.877
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm bắt buộc	1.474.476.519	2.211.387.373
Phải trả khác	2.564.000.270	3.371.836.701
	16.001.099.500	44.335.926.951

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	34.930.703.781	34.930.703.781	28.213.651.250	(63.144.355.031)	-	-
Vay ngắn hạn khác (ii)	833.823.183.540	833.823.183.540	726.324.830.174	(1.065.106.958.095)	495.041.055.619	495.041.055.619
Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	112.469.470.361	112.469.470.361	232.259.010.927	(112.469.470.361)	232.259.010.927	232.259.010.927
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (i)	944.729.498.350	944.729.498.350	-	(944.729.498.350)	-	-
Trái phiếu ngắn hạn phát hành (i)	516.217.496.989	516.217.496.989	263.911.049.597	(526.170.501.650)	253.958.044.936	253.958.044.936
	2.442.170.353.021	2.442.170.353.021	1.250.708.541.948	(2.711.620.783.487)	981.258.111.482	981.258.111.482

(b) Vay dài hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn (ii)	709.452.129.645	709.452.129.645	829.497.168.856	(232.259.010.927)	1.306.690.287.574	1.306.690.287.574

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Trái phiếu phát hành**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu ngắn hạn phát hành	253.958.044.936	516.217.496.989
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	944.729.498.350
	<u>253.958.044.936</u>	<u>1.460.946.995.339</u>

Giá trị trái phiếu phát hành như sau:

	31/12/2023 VND
Mệnh giá trái phiếu phát hành (*)	256.800.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.841.955.064)
	<u>253.958.044.936</u>

- (*) Khoản trái phiếu ngắn hạn do Công ty Cổ phần Chứng khoán APG tư vấn phát hành, ngày đáo hạn gốc từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2024, lãi suất trái phiếu cố định từ 11,5% - 12%/năm áp dụng cho tất cả các kỳ tính lãi. Lãi vay được thanh toán theo kỳ trả nợ lãi 3 tháng/lần.

Các khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo, sau 9 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu có quyền đề nghị Công ty F88 Kinh doanh thực hiện mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái phiếu, tùy vào tình hình tài chính, Công ty F88 Kinh doanh có thể chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu mua lại.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay như sau**

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngắn hạn				
Lion Asia VIII (RB) Limited (*)	USD		-	833.823.183.540
Puma Asia V (RB) Limited (*)	USD	Tháng 1 đến tháng 2 năm 2024	481.041.055.619	-
Vay cá nhân	VND	Tháng 1 năm 2024	14.000.000.000	-
			495.041.055.619	833.823.183.540
Vay dài hạn				
Lendable SPC (*)	USD	Tháng 1 đến tháng 8 năm 2025	351.502.046.958	469.174.609.781
Lion Asia VIII (RB) Limited (*)	USD	Tháng 11 năm 2025 đến tháng 6 năm 2026	1.187.447.251.543	352.746.990.225
			1.538.949.298.501	821.921.600.006
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(232.259.010.927)	(112.469.470.361)
			1.306.690.287.574	709.452.129.645

- (*) Toàn bộ số dư của các khoản vay này được cam kết thực hiện phòng ngừa rủi ro hối đoái bằng hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn trong suốt thời hạn của khoản vay (*Thuyết minh 23*). Tài sản đảm bảo của khoản vay là quyền sở hữu tài sản bằng thế chấp đối với một số các tài khoản ngân hàng của bên vay, các khoản phải thu về cho vay đối với khách hàng và các hợp đồng phòng ngừa rủi ro tỷ giá theo thỏa thuận đảm bảo khoản vay giữa bên cho vay và Công ty F88 Kinh doanh.

Các khoản vay ngắn hạn bằng USD đang chịu lãi suất từ 14%/năm, các khoản vay dài hạn đang chịu mức lãi suất từ 11,5% – 13%/năm.

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND đang chịu lãi suất 13,5%/năm.

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022					
Tăng vốn trong năm	66.232.690.000	366.316.609.876	34.638.474.986	47.055.760	467.234.830.622
Lợi nhuận thuần trong năm	3.651.930.000	179.190.000.000	-	16.000.000	182.857.930.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	166.308.071.076	16.261.838	166.324.332.914
	-	-	(2.260.000.000)	-	(2.260.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023					
Tăng vốn trong năm	69.884.620.000	545.506.609.876	198.686.546.062	79.317.598	814.157.093.536
Lỗ thuần trong năm	12.761.500.000	1.095.146.382.856	-	110.620.000	1.108.018.502.856
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(545.346.792.567)	(54.718.707)	(545.401.511.274)
Điều chỉnh khác	-	-	(248.000.000)	-	(248.000.000)
	-	-	(5.553.928)	1.044.623	(4.509.305)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
	82.646.120.000	1.640.652.992.732	(346.913.800.433)	136.263.514	1.376.521.575.813

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.264.612	82.646.120.000	6.988.462	69.884.620.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.264.612	82.646.120.000	6.988.462	69.884.620.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo cổ đông như sau:

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Skydom Pte. Ltd	2.588.168	25.881.680.000	31,32%	2.588.168	25.881.680.000	37,03%
Ông Phùng Anh Tuấn	1.253.558	12.535.580.000	15,17%	1.246.413	12.464.130.000	17,84%
Ông Ngô Quang Hưng	1.125.812	11.258.120.000	13,62%	1.135.667	11.356.670.000	16,25%
Bronze Blade Limited	812.793	8.127.930.000	9,83%	812.793	8.127.930.000	11,63%
Asia Investment Company S.À.R.L	699.056	6.990.560.000	8,46%	-	-	0,00%
Winter Flame Pte.Ltd	466.038	4.660.380.000	5,64%	-	-	0,00%
Ông Trần Mạnh Công	198.586	1.985.860.000	2,40%	198.586	1.985.860.000	2,84%
Ông Nguyễn Văn Tuyên	159.828	1.598.280.000	1,93%	159.828	1.598.280.000	2,29%
Ông James Alan Barron	183.216	1.832.160.000	2,22%	183.216	1.832.160.000	2,62%
Các cá nhân khác	777.557	7.775.570.000	9,41%	663.791	6.637.910.000	9,50%
	8.264.612	82.646.120.000	100%	6.988.462	69.884.620.000	100%

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	6.988.462	69.884.620.000	6.623.269	66.232.690.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.276.150	12.761.500.000	365.193	3.651.930.000
Số dư cuối năm	8.264.612	82.646.120.000	6.988.462	69.884.620.000

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	187.480.912.864	163.259.647.387
Trong vòng hai đến năm năm	313.406.676.708	403.531.705.447
Trên năm năm	823.166.664	3.480.481.000
	501.710.756.236	570.271.833.834

(b) Các cam kết khác**(i) Cam kết thực hiện dự phòng rủi ro hối đoái đối với khoản vay**

Công ty F88 Kinh doanh đã cam kết sẽ thực hiện phòng ngừa rủi ro hối đoái đối với các khoản vay với Lendable SPC, Lion Asia VIII (RB) Limited và Puma Asia V (RB) Limited trong suốt thời hạn của khoản vay.

Số dư gốc khoản vay được cam kết thực hiện dự phòng rủi ro hối đoái tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 85 triệu USD (tương đương 2.020 tỷ VND) (1/1/2023: 70 triệu USD, tương đương 1.655 tỷ VND).

(ii) Cam kết thực hiện hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn

Theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn được ký kết với các ngân hàng thương mại cổ phần, Công ty F88 Kinh doanh cam kết sẽ thực hiện mua tổng số ngoại tệ là 85 triệu USD (ngày 1/1/2023: 70 triệu USD) tại ngày hết hạn của các hợp đồng này cho mục đích thanh toán các khoản vay khi đến hạn.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(iii) Cam kết thực hiện nghĩa vụ theo Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược giữa Công ty F88 Kinh doanh và Ngân hàng TNHH một thành viên CIMB Việt Nam “Ngân hàng CIMB”**

Theo Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược ký kết ngày 24 tháng 11 năm 2021, Công ty F88 Kinh doanh sẽ hợp tác giới thiệu và cung cấp sản phẩm Vay Tiêu Dùng Tín Chấp dành cho khách hàng do Công ty F88 Kinh doanh tìm kiếm và giới thiệu cho Ngân hàng CIMB. Qua đó, Công ty F88 Kinh doanh cam kết sẽ mua từ Ngân hàng CIMB các khoản nợ đang tồn tại của bất kỳ khách hàng nào không thực hiện được các nghĩa vụ của mình (bị quá hạn trả nợ từ 89 ngày trở lên) theo hợp đồng vay có liên quan với CIMB. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản nợ của Ngân hàng CIMB mà Công ty F88 Kinh doanh cam kết sẽ mua lại trong tương lai nếu bị quá hạn từ 89 ngày trở lên như sau:

Nhóm nợ theo tuổi nợ:

	Số lượng hợp đồng trên sổ sách của Ngân hàng CIMB VND	Dư gốc vay trên sổ sách của Ngân hàng CIMB VND	Lãi và phí dự thu trên sổ sách của Ngân hàng CIMB VND
1. Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	58.584	787.868.715.793	5.483.854.503
2. Nợ quá hạn từ 11 – 30 ngày	2.469	22.980.645.638	559.246.248
3. Nợ quá hạn từ 31 – 89 ngày	4.699	40.856.042.175	2.139.774.628
	65.752	851.705.403.606	8.182.875.379

(c) Tài sản cầm cố

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản cầm cố đang được Công ty F88 Kinh doanh quản lý để đảm bảo cho các khoản cho vay cầm cố của công ty con này như sau:

Tài sản cầm cố

	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Xe máy	1	61
Ô tô	1	34
Đồng hồ cao cấp	-	1
Máy tính	-	1.395
Điện thoại di động	-	262
Trang sức	-	37
Tài sản khác	-	43

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản cầm cố theo hợp đồng vay đã được Công ty F88 Kinh doanh cho khách hàng sử dụng để đảm bảo cho các khoản cho vay cầm cố như sau:

Tài sản cầm cố

	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Xe máy	143.493	146.030
Ô tô	8.948	9.338

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản ký gửi liên quan đến các hợp đồng ký gửi hàng hóa giữa Công ty F88 Kinh doanh và khách hàng như sau:

Tài sản ký gửi

	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Xe máy	2	186

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản ký gửi liên quan đến các hợp đồng ký gửi tài sản giữa Công ty F88 Kinh doanh và khách hàng cá nhân, với đối tượng khách hàng cá nhân là một bên đã tham gia ký kết Hợp đồng Vay Tiêu Dùng Tín Chấp với bên cho vay là Ngân hàng CIMB (được trình bày tại Thuyết minh 23(b)(iii) như sau:

Tài sản cầm cố

	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Xe máy	61.862	117.974
Ô tô	3.930	2.499

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty F88 Kinh doanh đang theo dõi ngoại bảng các khoản cho vay xóa sổ với tổng số tiền là 1.696 tỷ VND (1/1/2023: 367 tỷ VND). Trong năm, công ty con này đã thu hồi gốc vay và thu thanh lý tài sản cầm cố với tổng số tiền là được 221,3 tỷ VND (2022: 72,7 tỷ VND) từ các khoản nợ hạch toán ngoại bảng nói trên.

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu lãi và phí dự thu từ hoạt động cho vay cầm cố và các hoạt động liên quan khác	2.040.501.250.525	1.711.152.252.754
▪ Doanh thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm	284.871.594.431	371.012.747.983
▪ Doanh thu từ các dịch vụ khác	7.834.382.756	6.846.239.112
	<u>2.333.207.227.712</u>	<u>2.089.011.239.849</u>

25. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương và thưởng nhân viên	434.553.699.135	511.042.534.973
Chi phí dự phòng các khoản cho vay khó đòi (Thuyết minh 10)	1.549.663.259.497	276.575.768.104
▪ Các khoản cho vay đã xóa sổ	1.549.530.115.267	249.415.841.505
▪ Dự phòng các khoản cho vay khó đòi khác	133.144.230	27.159.926.599
Chi phí thuê cửa hàng và kho bãi	208.102.629.683	162.615.243.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.654.088.876	73.894.257.078
Chi phí khác	55.684.683.357	63.825.953.910
	<u>2.322.658.360.548</u>	<u>1.087.953.757.188</u>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	28.248.449.208	4.842.118.713
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.145.400.000	-
	33.393.849.208	4.842.118.713

27. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	336.647.964.802	279.033.495.663
Chi phí phát hành trái phiếu	11.093.523.022	35.566.341.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá	37.531.338.779	23.053.070.486
Chi phí tư vấn và phí cam kết khoản vay	13.594.195.559	7.133.686.353
	398.867.022.162	344.786.594.126

28. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	70.530.175.079	102.298.469.808
Chi phí lương và thưởng nhân viên	65.701.283.414	79.682.034.451
Chi phí nguyên vật liệu	1.459.286.909	1.164.526.685
Chi phí bán hàng khác	485.254.689	618.072.585
	138.176.000.091	183.763.103.529

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương và thưởng nhân viên	357.182.632.157	327.973.348.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.803.273.933	108.392.804.949
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	9.876.178.131	10.434.369.639
Chi phí khấu hao	7.304.307.112	1.469.899.026
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.429.290.422	16.197.741.570
	<u>496.595.681.755</u>	<u>464.468.164.166</u>

30. Thu nhập khác và chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt hợp đồng (i)	105.570.566.251	116.022.175.939
Thu nhập từ thanh lý (ii)	242.337.282.527	101.952.630.402
Trong đó:		
▪ Thu từ gốc vay đã xóa sổ	220.809.402.277	69.902.473.941
▪ Thu tiền từ lãi các khoản vay	20.986.314.639	29.230.058.323
▪ Thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản cầm cố	541.565.611	2.820.098.138
Thu nhập khác	1.533.614.839	1.170.559.869
	<u>349.441.463.617</u>	<u>219.145.366.210</u>
Chi phí khác		
Tiền thiệt hại hợp đồng (ii)	21.613.659.646	2.753.219.323
Chi phí khác	10.440.588.585	3.606.127.526
	<u>32.054.248.231</u>	<u>6.359.346.849</u>
	<u>317.387.215.386</u>	<u>212.786.019.361</u>

(i) Đây là thu nhập từ các khoản phạt do khách hàng vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng.

(ii) Bao gồm:

- Khoản thu nhập/(thiệt hại) từ thanh lý tài sản đảm bảo của các hợp đồng Công ty F88 Kinh doanh cho vay mà khách hàng không hoàn trả được gốc, lãi và phí; và
- Thu nhập từ thu hồi gốc vay, lãi và phí của các hợp đồng cho vay khó đòi đã xóa sổ và đưa vào theo dõi ngoại bảng.

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương và thưởng nhân viên	857.437.614.706	918.697.918.406
Chi phí dự phòng các khoản cho vay khó đòi	1.549.663.259.497	276.575.768.104
• Các khoản cho vay đã xóa sổ	1.549.530.115.267	249.415.841.505
• Dự phòng các khoản cho vay khó đòi khác	133.144.230	27.159.926.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.457.362.809	182.287.062.027
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng và kho bãi	217.978.807.814	173.049.612.762
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	70.530.175.079	102.298.469.808
Chi phí khác	79.362.822.489	83.276.193.776

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	109.218.700.472	81.535.278.382
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.017.953.962	30.812.326
	110.236.654.434	81.566.090.708
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(235.738.984.042)	(22.222.664.708)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(1.404.931.368)	-
	(237.143.915.410)	(22.222.664.708)
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập	(126.907.260.976)	59.343.426.000

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	2023 VND	2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(672.308.772.250)	225.667.758.914
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(134.461.754.450)	45.133.551.783
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.508.337.096	412.619.743
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.028.202.416	13.766.442.148
Điều chỉnh theo kết quả biên bản thanh tra thuế	1.017.953.962	30.812.326
	(126.907.260.976)	59.343.426.000

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	7.024.656.840	1.404.931.368	-	-
Chi phí lãi vay	63.939.280.202	12.787.856.040	1.807.289.690	361.457.938
Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi và xóa sổ nợ xấu	1.440.180.477.080	288.036.095.416	323.617.547.377	64.723.509.476
	1.511.144.414.122	302.228.882.824	325.424.837.067	65.084.967.414

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	7.024.656.840

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Các khoản lãi vay này sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Chi phí lãi vay VND
2028	Chưa quyết toán	63.939.280.202

Ngoại trừ số lỗ lũy kế và khoản chi phí lãi vay sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt và ấn định mức lãi chậm nộp. Thực tế này có thể dẫn đến rủi ro tiềm tàng về thuế cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên những diễn giải về luật thuế, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty và các công ty con như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn G	Công ty của cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần G-Innovations Việt Nam	Công ty của cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn G		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	50.000.000.000	-

Trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan.

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn G		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng trong năm	50.000.000.000	-
Phí dịch vụ tiện ích đã thanh toán	274.559.160	1.120.256.136
Phí dịch vụ tiện ích phát sinh trong năm	249.781.248	1.020.420.504
Công ty Cổ phần G-Innovations Việt Nam		
Chi phí thuê thiết bị	1.297.041.368	5.515.957.689
Tiền thuê thiết bị đã thanh toán	1.326.005.505	5.956.806.779

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2023 VND	2022 VND
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.036.494.275	4.226.621.234
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty F88 Kinh doanh	4.008.204.647	4.233.047.572
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty F88 Kinh doanh (tới ngày 1 tháng 3 năm 2023)	-	1.200.000.000
Thành viên độc lập HĐQT	798.457.000	1.060.000.000
	8.843.155.922	10.719.668.806

34. Các khoản mục khác

Vào ngày 6 tháng 3 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (“Cơ quan Điều tra”) đã thực hiện khám xét nơi làm việc của một nhân viên thuộc Bộ phận Xử lý nợ của Công ty F88 Kinh doanh tại văn phòng đại diện của Công ty F88 Kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23 tháng 3 năm 2023, Công ty F88 Kinh doanh nhận được 5 thông báo của Cơ quan Điều tra về việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với 5 bị can về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, trong đó 3 bị can là nhân viên của Công ty F88 Kinh doanh, bao gồm nhân viên đã bị khám xét nơi làm việc nêu trên. Ngày 24 tháng 3 năm 2023, Công ty F88 Kinh doanh đã gửi Đơn đề nghị tới Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ việc “Cưỡng đoạt tài sản” liên quan đến một số nhân viên của Công ty F88 Kinh doanh. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ án đã có Kết luận điều tra số 249-25/KLĐT-PC02-Đ3 từ Cơ quan Điều tra ngày 6 tháng 10 năm 2023 và Cáo trạng số 614/CT-VKS-P2 của Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16 tháng 11 năm 2023. Theo các tài liệu này, các cơ quan tiến hành tố tụng đã nhận định có các hành vi của cá nhân vi phạm và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hình sự. Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định đưa vụ việc ra xét xử tại tòa án.

Bên cạnh đó, từ tháng 12 năm 2022 tới nay, các cơ quan công an địa phương cũng thực hiện kiểm tra hành chính tại hầu hết các địa điểm kinh doanh của Công ty F88 Kinh doanh trên cả nước và có các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với một số địa điểm kinh doanh, trong đó có 28 địa điểm kinh doanh bị xử phạt do vi phạm về việc không lưu giữ tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản. Công ty F88 Kinh doanh đã gửi đơn khiếu nại tới cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính này và yêu cầu hủy bỏ phần quyết định xử phạt liên quan tới hành vi vi phạm nêu trên. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty F88 Kinh doanh đã nhận được 6 quyết định hủy bỏ phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trên cho 9 địa điểm kinh doanh, 4 khiếu nại không được chấp thuận bởi chính quyền địa phương và 15 khiếu nại chưa có phản hồi từ cơ quan chức năng. Đối với các địa điểm kinh doanh mà các cơ quan công an chưa tiến hành kiểm tra hành chính, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng bị xác định vi phạm là thấp và ước tính tổng mức phạt, nếu có, là không trọng yếu.

2022-
T.Y.
HỮU H.
T.G.
T.P. H.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Huyền
Kế toán



Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phùng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

